

Số (Nº): 10010/VAQ09-02/24-00

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
RƠ MOỐC VÀ SƠ MI RƠ MOỐC SẢN XUẤT, LẮP RÁP
TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số:

10528/24/AH

Ngày 04/04/2024

Pursuant to the Technical document N⁰

Date

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

QCVN 11 : 2015/BGTVT

Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số:

990005/990035/03/24/01

Ngày 29/03/2024

Pursuant to the results of C.O.P examination record N⁰

Date

Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số:

0184/BCTN-TO/24

Ngày 15/03/2024

Pursuant to the results of Testing report N⁰

Date

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại phương tiện (Vehicle Type): Sơ mi rơ moóc tải chở container

Nhãn hiệu (Trademark): SOOSAN

Mã kiểu loại (Model Code): CC-35A-1

Tên thương mại (Commercial Name): ---

Mã số khung (Frame number code): RR2CC335A*BSS****

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

5430

kg

Phân bố khối lượng bản thân lên các trục (Distribution on axles):

880 / 1517 / 1517 / 1516

kg

Số người cho phép chở, kể cả người lái (ngồi + đứng + nằm + xe lăn): (Seating capacity including driver):

(0+0 +0 +0)

người

Khối lượng chuyên chở TK lớn nhất /cho phép lớn nhất (Design/ Authorized pay load):

33650 / 33650

kg

Khối lượng toàn bộ theo thiết kế /cho phép lớn nhất (Design/ Authorized total mass):

39080 / 39080

kg

Phân bố khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục (Distribution on axles):

15080 / 8000 / 8000 / 8000

kg

Khối lượng kéo theo theo thiết kế/cho phép lớn nhất (Designed/ Authorized):

--- / ---

kg

Kích thước xe (Dài x Rộng x Cao)(Overall: length x width x height):

10710 x 2490 x 1480

mm

Kích thước lòng thùng chở hàng/bao ngoài xi téc:

---/--- x ---/--- x ---/---

mm

Khoảng cách trục (Wheel space):

6520 + 1310 + 1310

mm

Công thức bánh xe (Drive configuration): 6 x 0

Vết bánh xe các trục (Axles track):

--- / 1840 / 1840 / 1840

mm

Số lượng, Cỡ lốp: Trục 1: ---

Trục 2: 4; 12R22.5

Trục 3: 4; 12R22.5

(Qty, Tyre size) Trục 4: 4; 12R22.5

Trục 5: ---

Trục 6: ---

Hệ thống lái (Driver system): ---

Hệ thống phanh chính (Service braking system): ---/ Tang trống/ Tang trống/ Tang trống; Khí nén

Hệ thống phanh đỗ xe (Parking braking system): Tang trống; Bánh xe trục 2, 3, 4; Khí nén + Lò xo tích năng tại bầu phanh

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY TNHH Ô TÔ SOOSAN VIỆT NAM

(Name and address of manufacturer) Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: CÔNG TY TNHH Ô TÔ SOOSAN VIỆT NAM

(Name and address of assembly plant) Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, Phường Hạp Lĩnh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Kiểu loại xe nói trên thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (The product is in compliance with the) QCVN 11 : 2015/BGTVT.

Ghi chú:

- Ký hiệu chốt kéo LT-XZ50-12-000

- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

Vietnam Register

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Tô An